

Bản án số: **18/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 28-7-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thanh Nguyên

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7
- An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - An Giang tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - An Giang
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng
6 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc L**, sinh năm 1993 (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Trần Thanh N** (T), sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết
nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Trần Thanh N chung sống với nhau năm 2010, đến năm 2011 mới
đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống
hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N
thường xuyên ăn nhậu dẫn đến vợ chồng cãi nhau, có lần anh N có đánh chị bằng
tay, cầm dao, búa rượt chị. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra ngày càng trầm

trọng không thể khắc phục được nên đã thật sự ly thân nhau từ tháng 8 năm 2024 đến nay. Từ khi ly thân đến nay không còn ai quan tâm đến ai.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 27/6/2011 và Trần Thị Thanh N1, sinh ngày 23/7/2018.

Về tài sản và nợ: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác.

Nay yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn anh Trần Thanh N;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu nuôi Trần Thanh T, sinh ngày 27/6/2011; giao Trần Thị Thanh N1, sinh ngày 23/7/2018 cho anh N nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn;
3. Về quan hệ tài sản chung và về nợ chung: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, không tranh chấp nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Đối với yêu cầu của nguyên đơn, tại biên bản lấy lời khai bị đơn có ý kiến:*

Anh và chị Nguyễn Ngọc L chung sống với nhau năm 2010, đến năm 2011 đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng cãi nhau nhiều lần nên chị L đã bỏ nhà đi từ tháng 12 năm 2024 đến nay.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 27/6/2011 và Trần Thị Thanh N1, sinh ngày 23/7/2018.

Về tài sản và nợ: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác.

Nay theo yêu cầu của chị L, anh có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn, vì còn thương chị L, muốn vợ chồng hàn gắn để nuôi con.

Trường hợp Toà án giải quyết cho chị L ly hôn, thì anh có ý kiến:

2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con; nếu nguyện vọng của con muốn sống với ai thì anh cũng đồng ý;
3. Về quan hệ tài sản chung và về nợ chung: Vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác, không tranh chấp nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:***

- Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên và xác định hiện có nghề nghiệp ổn định từ việc làm thuê, thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng 6.000.000 đồng.

- Bị đơn anh Trần Thanh N vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc L ly hôn anh Trần Thanh N; về quan hệ nuôi con chung, giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 27/6/2011 cho chị L trực tiếp nuôi; giao Trần Thị Thanh N1, sinh ngày 23/7/2018 cho anh N nuôi, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn; về quan hệ tài sản chung và về nợ chung, không có, không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Thanh N vắng mặt lần thứ nhất, nhưng đã có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Trần Thanh N theo quy định khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc L và anh Trần Thanh N tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo quy định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng: Theo chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do anh N thường ăn nhậu dẫn đến vợ chồng cãi nhau và có lần anh N đánh chị bằng tay. Tuy về thời gian ly thân giữa chị L và anh N trình bày không thống nhất nhau, nhưng xác định được anh chị cũng đã thật sự ly thân nhau một thời gian tương đối dài.

Tại phiên tòa hôm nay, chị L vẫn cương quyết ly hôn với anh N, mặc dù Tòa án đã kiên trì giải thích, động viên nhưng vẫn không có kết quả. Bản thân anh N tuy không đồng ý ly hôn với chị L, nhưng anh vẫn xác định và thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng có xảy ra cãi nhau nhiều lần dẫn đến ly thân nhau là phù hợp với kết quả xác minh, thu thập chứng cứ (bút lục số 12). Đồng thời, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án và cho đến tại phiên tòa hôm nay, anh N không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như phiên tòa xét xử để thể hiện bản thân còn thương yêu chị L, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng.

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh N không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung: Hai bên đương sự cùng nhau thống nhất xác định, vợ chồng có 02 con chung tên Trần Thanh T, sinh ngày 27/6/2011 và Trần Thị Thanh N1, sinh ngày 23/7/2018. Nguyên đơn chị L yêu cầu nuôi Trần Thanh T, giao Trần Thị Thanh N1 cho anh N nuôi; bị đơn anh L yêu cầu được nuôi 02 con chung, nhưng trường hợp nguyện vọng con theo ai thì anh cũng đồng ý.

Hai cháu Trần Thanh T, Trần Thị Thanh N1 cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến của mình, cụ thể: cháu T có nguyện vọng được sống chung với chị L; còn cháu N1 có nguyện vọng sống chung với anh N. Việc này cũng phù hợp với ý kiến yêu cầu của chị L, anh N.

Giữa chị L, anh N xác định không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, do đó không ai phải cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn. Vì vậy, cần giao cháu Trần Thanh T, sinh ngày 27/6/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Thị Thanh N1, sinh ngày 23/7/2018 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L và bị đơn anh Trần Thanh N đã xác định, vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc L có đơn yêu cầu xin ly hôn nên chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Ngọc L ly hôn anh Trần Thanh N.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Trần Thanh T, sinh ngày 27/6/2011 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; giao Trần Thị Thanh N1, sinh ngày 23/7/2018 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là **300.000 đồng**, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0011983 ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh An Giang); chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/7/2025); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS KV7, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Phòng THADS KV7;
- UBND xã Tây Yên;
- Lưu (HSVA, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Mỹ Linh